

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 224/2017/HSST
Ngày : 13/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Nguyễn Anh Tuấn
- 2- Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Huy Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 109/2017/HSST ngày 24/4/2017 đối với bị cáo :

NGUYỄN HỮU K, giới tính: Nam; sinh: 17/3/1961 nơi sinh: tại Tp.H; thường trú: ấp C, phường T, quận X, Tp.H; chỗ ở: không nơi nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: hớt tóc; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Cao Thị M (chết); vợ Mai Thị M; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tạm giam: 07/11/2015 trong vụ án khác (có mặt).

Người bị hại: Anh Huỳnh Nam T sinh: 1972

Thường trú: chung cư N, phường C, quận B, Tp.Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: đường Y, khu phố U, phường L, quận Đ, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 6/2013, Nguyễn Hữu K biết chị Nguyễn Thị Mỹ H bị Công an quận T bắt về hành vi đánh bạc. Để có tiền tiêu xài, K nảy sinh ý định lừa gia đình chị H để chiếm đoạt tài sản. K quen biết anh Trần Văn T1, là người ở kế bên nhà chị H, K đến gặp anh T1 và nói cho anh T1 biết là K có quen biết với nhiều lãnh đạo Công an quận Đ, sẽ lo được cho chị H thoát tội. Anh T1 tưởng thật nên đã nói cho anh Huỳnh Nam T là chồng của chị H biết là K có thể lo cho chị H thoát tội với giá 50.000.000đ, anh T đồng ý. Do không biết trước ý đồ lừa đảo của K, khoảng 13 giờ ngày 15/7/2013, anh T và anh T1 hẹn

gặp K tại nhà số A đường Y, khu phố U, phường L, quận Đ, Tp.Hồ Chí Minh. Qua trao đổi, anh T đồng ý giao cho K số tiền 50.000.000đ, khi nhận tiền xong K hứa với anh T và vợ anh T sẽ được thả. Đến ngày 25/7/2013, vợ anh T vẫn chưa được về và K đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 25/7/2013, anh T làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của K.

Ngày 07/11/2015, Nguyễn Hữu K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong một vụ án khác và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra, K khai nhận đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ của anh T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, K đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng vụ án: không

Về trách nhiệm dân sự: Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 50.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 334/CT-VKS ngày 08/8/2016, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến đánh giá nội dung vụ án, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù, tổng hợp hình phạt 08 năm bị cáo đang chấp hành và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định

Bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố; bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo được xác định là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 15/7/2013, tại nhà số A đường Y, khu phố U, phường L, quận Đ, Tp.Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi gian dối, khi nói với anh Huỳnh Nam T rằng bị cáo có thể lo cho vợ anh T (người đang bị bắt) được tha về, làm cho anh T tưởng giả là thật, nên đã giao cho bị cáo số tiền 50.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên bị cáo đã bỏ trốn, không trả lại cho bị hại. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định trừng trị tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội tại địa phương, tạo dư luận không tốt, ảnh hưởng tới niềm tin của người dân đối với cán bộ cơ quan nhà nước. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp

luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Bị cáo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ, đây cũng là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, việc truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội ở quận Thủ Đức, bị cáo tiếp tục phạm tội đối với nhiều người ở thị xã D, tỉnh Bình Dương, thể hiện rõ ý thức phạm tội rất cao. Vì vậy cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 08 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương, nên áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu K** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu K** 03 (ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2016/HSST ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2015.

3- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải bồi thường cho anh Huỳnh Nam T số tiền 50.000.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CA. quận Thủ Đức;
- THADS quận Thủ Đức;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Tất Trình